

## **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TÍN DỤNG ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM**

*Phan Thị Nữ*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*

**Tóm tắt.** Nghiên cứu này xem xét tác động của tín dụng đối với giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam. Phương pháp Khác biệt trong khác biệt và mô hình hồi qui OLS được sử dụng để phân tích dữ liệu bảng từ VHLSS 2004 và VHLSS 2006. Có 4270 hộ tham gia cả hai cuộc điều tra, trong đó có 457 hộ được xếp vào diện nghèo vào năm 2004. Từ 457 hộ này, chúng tôi lọc ra được 157 hộ có tham gia vay vốn trong vòng một năm trong VHLSS 2006 nhưng không vay vốn trong VHLSS 2004 và 147 hộ không vay vốn trong cả hai cuộc điều tra. Chúng tôi chọn ra 113 hộ trong số 157 hộ có vay vốn trên đây làm nhóm phân tích và 104 hộ không vay vốn trong cả hai cuộc điều tra làm nhóm so sánh.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, việc tiếp cận tín dụng có tác động tích cực lên phúc lợi của hộ nghèo thông qua việc làm tăng chi tiêu cho đời sống của họ. Nhưng tín dụng không có tác động cải thiện thu nhập cho hộ nghèo nên chưa giúp người nghèo thoát nghèo một cách bền vững. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng tìm thấy tác động tích cực của giáo dục và đa dạng hóa việc làm đến phúc lợi của hộ nghèo.

### **1. Giới thiệu**

Vốn là đầu vào quan trọng cho quá trình sản xuất, thiếu vốn là một trong những nguyên nhân rơi vào nghèo, làm cho thu nhập và chi tiêu của người nghèo bị hạn chế. Vì vậy, nhiều năm nay, hỗ trợ tín dụng cho người nghèo đã và đang được xem là một chính sách quan trọng để giảm nghèo đói ở Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có một đánh giá đầy đủ nào về tác động của tín dụng đối với giảm nghèo ở Việt Nam. Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá tác động của tín dụng đối với giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam bằng cách sử dụng phương pháp Khác biệt trong khác biệt (DID) và dựa vào dữ liệu Điều tra mức sống hộ gia đình 2004 và 2006.

### **2. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức sống của người nghèo**

Mức sống của người nghèo được phản ánh qua các chỉ tiêu như thu nhập bình quân đầu người, chi tiêu cho đời sống bình quân đầu người, mức độ tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nước sạch, và mức độ tiếp cận dịch vụ giáo dục... Các lý thuyết về thu nhập và nghiên cứu thực nghiệm về nghèo đói đã chỉ ra rằng mức sống của người

nghèo phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó tín dụng là một yếu tố quan trọng. Đề tài đã tổng hợp và nhóm các nhân tố ảnh hưởng đến phúc lợi của người nghèo thành các cấp độ sau đây:

- Cấp độ cá nhân: gồm có tuổi, giới tính, trình độ giáo dục, tình trạng việc làm;
- Cấp độ hộ: số nhân khẩu, số lao động, tỷ lệ phụ thuộc, diện tích đất, khả năng tiếp cận tín dụng, tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp, dân tộc;
- Cấp độ vùng: đặc điểm vùng miền sinh sống, khoảng cách đến khu vực trung tâm, điều kiện giao thông;
- Cấp độ chính phủ: chính sách tín dụng, trợ cấp giáo dục, bảo hiểm y tế.

Trong số những nhân tố ảnh hưởng đến mức sống của người nghèo thì điều kiện tín dụng là một nhân tố quan trọng. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, tiếp cận tín dụng là điều kiện quan trọng để người nghèo tăng cường đầu tư cho sản xuất, trang trải chi phí học hành cho con cái... Nhờ đó, nâng cao thu nhập và có cơ hội thoát nghèo bền vững (F. Nader (2007), R. Khandker (2005), Morduch, Haley (2002)). Ngân hàng thế giới (1995) đã khuyến cáo rằng, cải thiện thị trường tín dụng là một chính sách quan trọng để giảm nghèo đói ở Việt Nam.

Fukui, M. Llanto (2003): Vai trò của hoạt động tín dụng cho người nghèo thể hiện qua sự đóng góp của nó vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm tác động của sự bất ổn kinh tế và tăng tính tự chủ cho các hộ nghèo. Madajewicz (1999) và Copestake, Blalotra (2000) nhận thấy, cho người nghèo vay vốn sẽ giúp họ tự làm việc cho chính mình và thực hiện những hoạt động kinh doanh nhỏ, đó chính là cơ hội để họ thoát nghèo.

Ở Việt Nam, Phạm Vũ Lữ Hạ (2003), Nguyễn Trọng Hoài (2005) cũng khẳng định tín dụng và tiếp cận tín dụng là điều kiện quan trọng quyết định khả năng nâng cao mức sống và thoát khỏi đói nghèo của các hộ nghèo. Chúng tôi có sự nhất trí cao giữa các nghiên cứu về vai trò quan trọng của tín dụng đối với mức sống của người nghèo.

### **3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu**

Để phản ánh chính xác tác động của tín dụng đến mức sống của người nghèo, đề tài sử dụng phương pháp DID. Trong đó, tín dụng được xem là một biến chính sách. Để áp dụng được phương pháp này cần phải có số liệu bảng, tức là số liệu phải vừa phản ánh thông tin theo thời gian vừa phản ánh thông tin chéo của nhiều đối tượng quan sát khác nhau. Phương pháp này chia các đối tượng phân tích thành hai nhóm, một nhóm được áp dụng chính sách (nhóm tham gia), nhóm còn lại không được áp dụng chính sách (gọi là nhóm so sánh). Gọi  $D$  là biến giả phản ánh nhóm quan sát,  $D=0$ : hộ quan sát thuộc nhóm so sánh,  $D=1$ : hộ quan sát thuộc nhóm tham gia. Gọi  $Y$  là đầu ra của chính sách (thu nhập, lợi nhuận, ...). Với  $T=0$  là trước khi có chính sách,  $T=1$  là sau khi chính sách.

Tuy nhiên, mức sống của hộ nghèo không chỉ phụ thuộc vào tín dụng mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tuổi, giới tính, trình độ giáo dục, tình trạng việc làm; tỷ lệ phụ thuộc, diện tích đất, đặc điểm vùng miền sinh sống... Vì vậy, đánh giá tác động của tín dụng đối với mức sống của hộ nghèo sẽ chính xác hơn nếu đưa thêm các biến này vào làm biến kiểm soát. Để làm được điều này đề tài kết hợp giữa phương pháp DID và phương pháp hồi qui đa biến OLS.

$$\text{Mô hình kinh tế lượng: } Y_{it} = \beta_0 + \beta_1 D + \beta_2 T + \beta_3 D * T + \beta_4 Z_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó,  $Y_{it}$  là chỉ tiêu phản ánh mức sống của hộ  $i$  tại thời điểm  $t$ .

$D = 1$ : Hộ khảo sát thuộc nhóm tham gia;  $=0$ : Hộ khảo sát thuộc nhóm so sánh.

$T = 0$ : Hộ khảo sát năm 2004;  $=1$ : Hộ khảo sát trong năm 2006.

$Z_{it}$  là các biến kiểm soát: bao gồm các nhóm biến phản ánh đặc điểm nhân khẩu, đặc điểm về giáo dục và việc làm, năng lực sản xuất của hộ...

**Bảng 1. Phương pháp khác biệt trong khác biệt**  
(Difference-in-difference approach)

	<b>Thu nhập/Chi tiêu bình quân đầu người (<math>Y_{it}</math>)</b>		
	<b>Năm 2004</b>	<b>Năm 2006</b>	<b>Khác biệt</b>
Nhóm tham gia	$\beta_0$	$\beta_0 + \beta_1$	$\beta_1$
Nhóm so sánh	$\beta_0 + \beta_2$	$\beta_0 + \beta_1 + \beta_2 + \beta_3$	$\beta_1 + \beta_3$
Khác biệt trong khác biệt			$\beta_3$

#### 4. Mô tả số liệu

Bài báo sử dụng số liệu của hai cuộc điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) năm 2004 và 2006. VHLSS 2004 khảo sát thu nhập và chi tiêu trên 9180 hộ và VHLSS 2006 khảo sát thu nhập và chi tiêu trên 9189 hộ. Có 4270 hộ gia đình tham gia cả hai cuộc điều tra. Trong đó có 457 hộ được các địa phương xếp loại nghèo vào năm 2004. Đề tài đã chọn ra 113 trong số 157 hộ nghèo trả lời có vay vốn trong vòng 1 năm trong VHLSS 2006 và không vay vốn trong VHLSS 2004 làm nhóm tham gia, và 104 trong số 147 hộ nghèo trả lời không vay vốn trong cả hai cuộc điều tra có đặc điểm tương tự với các hộ có vay vốn làm nhóm so sánh. Trong 457 hộ này, có 157 hộ trả lời có vay vốn trong vòng 1 năm trong cuộc điều tra năm 2006 và trả lời không vay vốn trong cuộc điều tra 2004, và 147 hộ trả lời không vay vốn trong cả hai cuộc điều tra này.

Vì cách lấy mẫu của hai cuộc khảo sát mức sống này được chọn một cách ngẫu nhiên nên đáp ứng yêu cầu lấy mẫu của phương pháp DID là phải đảm bảo tính ngẫu nhiên. Đồng thời, căn cứ vào chuẩn nghèo của Việt Nam là 200 nghìn đồng/người/tháng ở nông thôn vào năm 2006 và chuẩn nghèo quốc tế 1 đô la/người/ngày (tương đương

khoảng 500 nghìn đồng/người/tháng), đề tài loại bỏ bớt những hộ nghèo có thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người vượt ra xa khỏi ngưỡng này để loại trừ trường hợp hộ không nghèo thực chất nhưng vẫn được xếp vào diện hộ nghèo. Trên cơ sở đó, đề tài đã chọn ra 113 hộ nghèo theo phân loại của địa phương vào năm 2004 có tham gia vay vốn trong VHLSS 2006 và không vay vốn trong VHLSS 2004 làm nhóm tham gia, và 104 hộ nghèo theo xếp loại của địa phương vào năm 2004 nhưng không tham gia vay vốn trong cả hai cuộc điều tra có đặc điểm tương tự với các hộ có vay vốn làm nhóm so sánh. Vì hai nhóm này đều là những hộ nghèo theo phân loại của địa phương cho nên nếu có chính sách hỗ trợ nào khác thì cả hai đều được hưởng lợi như nhau.

Để phép ước lượng có ý nghĩa, giả định quan trọng của phương pháp DID phải được đảm bảo là hai nhóm này phải có đặc điểm tương tự nhau vào năm 2004, nếu hai nhóm đều không vay vốn thì thu nhập và chi tiêu của họ thay đổi tương tự nhau từ năm 2004 đến 2006. Thực hiện kiểm định thống kê t-student về sự khác biệt trung bình giữa hai nhóm hộ thu được kết quả ở bảng 2.

**Bảng 2. Đặc điểm của hai nhóm hộ vào năm 2004**

Chỉ tiêu	Nhóm so sánh, năm 2004			Nhóm tham gia, năm 2004			Trị thống kê T
	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	
Qui mô hộ (người)	104	4	2,1	113	5	1,97	-3,611
Chủ hộ là nam (%)	104	70	46	113	74	44	-0,678*
Tuổi chủ hộ	104	51	17	113	43	13	3,577
Thu nhập/người (1000 đ)	104	206	93	113	195	84	0,924*
Chi tiêu/người (1000 đ)	104	167	83	113	157	50	0,972*
Tỷ lệ phụ thuộc (người/lao động)	104	0,7	0,77	113	1,3	1,41	-3,931
Trình độ THCS (%)	104	23	42	113	24	43	-0,141*
Trình độ THPT (%)	104	9	28	113	19	39	-2,158
Số năm đi học bình quân (năm)	104	3	2,6	113	3,94	2,43	-2,914
Số lao động/hộ	104	2,6	1,6	113	2,27	1,54	1,626*
Diện tích đất/người (m2)	104	468	912	113	417	721	0,452*
Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp (%)	104	28	32	113	29	30	-0,419*

Dân tộc kinh (%)	104	60	50	113	50	50	1,475*
Miền Bắc (%)	104	40	49	113	50	50	-1,487*
Miền Nam (%)	104	30	44	113	20	40	1,747*

*Ghi chú: Giả thiết:  $H_0: Mean_1 = Mean_0$ ;  $H_1: Mean_1 \neq Mean_0$*

*\* Hai nhóm có đặc điểm giống nhau (giả thiết  $H_0$  không được bác bỏ ở mức ý nghĩa thống kê 5% hoặc 10%).*

Kết quả này cho thấy, vào năm 2004, hầu hết các đặc điểm của hai nhóm hộ này là giống nhau như giới tính của chủ hộ, thu nhập, chi tiêu bình quân đầu người, diện tích đất bình quân/hộ, tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp... Tuy nhiên, có một số đặc điểm khác nhau giữa hai nhóm hộ này như tỷ lệ phụ thuộc, số nhân khẩu, tuổi chủ hộ nên được đưa vào mô hình hồi qui để làm biến kiểm soát.

## 5. Kết quả nghiên cứu

### 5.1. Tác động của tín dụng đến thu nhập của hộ nghèo

Trước hết, đề tài tiến hành hồi qui mối quan hệ giữa thu nhập thực bình quân đầu người với tín dụng, thời gian và biến tương tác giữa tín dụng và thời gian.

**Bảng 3.** Tác động của tín dụng đối với thu nhập thực của hộ nghèo

Tên biến độc lập	Kết quả ước lượng		
	Hồi qui 1	Hồi qui 2	Hồi qui 3
Hệ số gốc	206,127 (0,000)	201,370 (0,000)	206,469 (0,000)
Nhóm hộ	11,133 <sup>+</sup> (0,356)	-5,997 <sup>+</sup> (0,603)	6,488 <sup>+</sup> (0,590)
Thời gian	15,100 <sup>+</sup> (0,273)	16,193 <sup>+</sup> (0,198)	18,600 <sup>+</sup> (0,134)
<b>Thời gian* Nhóm hộ</b>	42,854** (0,034)	39,323** (0,040)	25,142 <sup>+</sup> (0,191)
Qui mô hộ		-10,754* (0,000)	-8,071* (0,002)
Trình độ giáo dục trung bình		6,610* (0,002)	6,462* (0,001)

Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp	57,150*	52,806*
	(0,001)	(0,000)
Dân tộc	-1,910 <sup>+</sup>	
	(0,860)	
Miền Nam	-1,470 <sup>+</sup>	
	(0,915)	
Tuổi chủ hộ	0,280 <sup>+</sup>	0,167 <sup>+</sup>
	(0,367)	(0,583)
Giới tính chủ hộ	0,745 <sup>+</sup>	
	(0,954)	
Diện tích đất	0,0013 <sup>+</sup>	
	(0,831)	
Tỷ lệ phụ thuộc		-14,484*
		(0,000)
<b>R<sup>2</sup> điều chỉnh</b>	<b>0,036</b>	<b>0,1293</b>
		<b>0,1554</b>

*Ghi chú: -Biến phụ thuộc là thu nhập thực bình quân đầu người/ tháng (1000 đồng)*

*- Số trong ngoặc đơn là Pvalue, \*, \*\*, có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5%, + không có ý nghĩa ở mức 10%.*

Kết quả hồi qui 1 (bảng 3) cho thấy, tín dụng có tác động làm tăng thu nhập bình quân của hộ nghèo. Nếu các yếu tố khác không đổi, với mức ý nghĩa 5%, việc vay vốn làm tăng thu nhập của hộ lên 42.9 nghìn đồng/người/tháng.

Tuy nhiên, ngoài tín dụng còn có nhiều biến khác tác động đến thu nhập chính vì vậy sẽ không hợp lý nếu như không đưa thêm các biến này vào mô hình. Khi đưa thêm các biến kiểm soát khác vào mô hình, kết quả hồi qui ở mô hình 2 cho thấy: với mức ý nghĩa 5%, tín dụng có tác động làm tăng thu nhập của hộ nghèo lên 39.3 nghìn đồng/người/tháng so với trường hợp không vay vốn. Trong mô hình 3, chúng tôi đưa thêm biến tỷ lệ phụ thuộc (Deprate) vào mô hình làm biến kiểm soát, đồng thời loại bỏ những biến không có ý nghĩa thống kê trong mô hình 2. Kiểm định sự phù hợp của mô hình cho thấy, mô hình 3 là mô hình tốt nhất.

Kết quả mô hình 3 cho thấy, quy mô hộ, tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp, trình độ giáo dục và tỷ lệ phụ thuộc có tác động đến thu nhập bình quân đầu người của hộ ở mức ý nghĩa 1%. Tuy nhiên, tác động của tín dụng đối với thu nhập bình quân đầu người lại không có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10%. Điều này có thể giải thích bởi hai lý do:

Thứ nhất, do các hộ vay vốn chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trước mắt, chưa có phương án sử dụng vốn vay hiệu quả. Một lý do khác cũng rất quan trọng là số liệu về thu nhập thường không chính xác do các hộ thường không khai thật thu nhập của mình khi được hỏi, hơn nữa việc tính toán đầy đủ, chính xác thu nhập của hộ cũng rất khó khăn. Do vậy, đánh giá tác động của tín dụng đối với thu nhập có thể không chính xác.

### 5.2. Tác động của tín dụng đến chi tiêu của hộ nghèo

Kết quả hồi qui (bảng 4) cho thấy, với mức ý nghĩa thống kê 5%, trong cả ba mô hình hồi qui, tín dụng có tác động làm tăng chi tiêu thực cho đời sống của hộ nghèo. Theo kết quả ở mô hình 3 (mô hình phù hợp nhất), tín dụng đã làm tăng mức chi tiêu cho đời sống của hộ nghèo thuộc nhóm tham gia 29 nghìn đồng/người/tháng. Đối với người nghèo, đây là một mức cải thiện có ý nghĩa rất lớn, tương đương khoảng 20% mức chi tiêu thực bình quân của hộ. Nhờ vậy, họ có thể cải thiện đời sống trong hiện tại, trang trải chi phí giáo dục cho con cái và hòa nhập tốt hơn vào cuộc sống cộng đồng. Do đó, hỗ trợ tín dụng cho người nghèo là chính sách quan trọng để cải thiện mức sống cho người nghèo ở nông thôn Việt Nam.

**Bảng 4.** Tác động của tín dụng đối với chi tiêu đời sống của hộ nghèo

Tên biến	Kết quả ước lượng		
	Hồi qui 1	Hồi qui 2	Hồi qui 3
Tung độ gốc	166,567 (0,000)	131,924 (0,000)	133,279 (0,000)
Nhóm hộ	-9,125 <sup>+</sup> (0,332)	5,376 <sup>+</sup> (0,530)	5,473 <sup>+</sup> (0,521)
Thời gian	3,287 <sup>+</sup> (0,768)	0,237 <sup>+</sup> (0,981)	-0,270 <sup>+</sup> (0,978)
<b>Thời gian* Nhóm hộ</b>	<b>37,191**</b> <b>(0,013)</b>	<b>29,056**</b> <b>(0,027)</b>	<b>28,985**</b> <b>(0,027)</b>
Qui mô hộ		-9,550* (0,000)	-9,468* (0,000)
Trình độ giáo dục trung bình		6,950* (0,000)	6,974* (0,000)
Tuổi của chủ hộ		0,416*** (0,058)	0,401*** (0,066)
Giới tính của chủ hộ		21,059** (0,022)	21,410** (0,018)

Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp	5,994 <sup>+</sup>		
	(0,592)		
Tỷ lệ phụ thuộc	-5,457**	-5,657**	
	(0,042)	(0,030)	
Diện tích đất canh tác	0,0002 <sup>+</sup>		
	(0,601)		
Dân tộc	16,224**	16,791**	
	(0,048)	(0,024)	
Miền Nam	36,190*	38,613*	
	(0,001)	(0,000)	
Miền Bắc	-1,122 <sup>+</sup>		
	(0,886)		
<b>R<sup>2</sup> điều chỉnh</b>	<b>0,032</b>	<b>0,252</b>	<b>0,256</b>

*Ghi chú:* - Biến phụ thuộc là chi tiêu thực cho đời sống bình quân đầu người/tháng (1000 đồng).

- Số trong ngoặc đơn là Pvalue, \*, \*\*, \*\*\* có ý nghĩa thống kê ở mức 1%; 5%, 10%,  
<sup>+</sup> không có ý nghĩa ở 10%.

## 6. Kết luận

Bằng phương pháp khác biệt trong khác biệt (DID) và dựa vào bộ số liệu VHLSS 2004 và VHLSS 2006 được phân tích trên phần mềm Eview, đề tài đã rút ra những kết luận quan trọng sau đây:

**6.1.** Việc tiếp cận tín dụng đã giúp tăng chi tiêu cho đời sống của hộ nghèo lên 29 nghìn đồng/người/tháng, tương đương khoảng 20%. Nhờ vậy, tín dụng góp phần đáng kể vào cải thiện đời sống cho hộ nghèo. Chính vì vậy, hỗ trợ tín dụng cho người nghèo là thật sự cần thiết. Nhưng đáng tiếc là đề tài chưa tìm thấy bằng chứng về tác động của tín dụng đối với thu nhập của hộ nghèo. Nguyên nhân có thể do các hộ nghèo chủ yếu vay vốn để phục vụ nhu cầu chi tiêu trong hiện tại mà chưa có một phương án sử dụng vốn cho đầu tư sản xuất có hiệu quả nên chưa cải thiện được thu nhập. Do đó, hỗ trợ tín dụng cho người nghèo không thôi là chưa đủ, mà cần có những chính sách, biện pháp, chương trình hướng dẫn về kỹ thuật sản xuất cũng như giúp họ tìm kiếm phương án đầu tư hiệu quả.

**6.2.** Ở mức ý nghĩa thống kê 5%, đề tài cũng tìm thấy mối quan hệ giữa mức sống của người nghèo với những yếu tố khác:

- Đầu tư cho giáo dục là cách tốt để người nghèo thoát nghèo bền vững. Những

hộ có trình độ giáo dục trung bình càng cao thì thu nhập và chỉ tiêu đời sống bình quân đầu người càng cao.

- Có thêm một người phụ thuộc trên một lao động sẽ làm giảm thu nhập thực 14.5 nghìn đồng/người/tháng và làm giảm chỉ tiêu cho đời sống 5.7 nghìn đồng/người/tháng.

- Tồn tại sự khác biệt đáng kể giữa mức sống của hộ có chủ hộ là nam với hộ có chủ hộ là nữ. Những hộ có chủ hộ là nam có chỉ tiêu đời sống bình quân đầu người cao hơn 21.4 nghìn đồng/người/tháng so với hộ có chủ hộ là nữ.

- Đa dạng hóa việc làm là một cách tốt để thoát nghèo. Những hộ có việc làm phi nông nghiệp có thu nhập thực cao hơn những hộ chỉ có việc làm thuần nông 52 nghìn đồng/người/tháng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo chung của các nhà tài trợ, Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam “*Báo cáo phát triển Việt Nam 2004 – Nghèo*”, Nxb. Hà Nội, 2003.
2. Phạm Vũ Lữ Hạ, *Làm gì cho nông thôn Việt Nam: “Phát triển hệ thống tín dụng nông thôn*”, Nxb. T.p Hồ Chí Minh, 2003.
3. Nguyễn Xuân Thành, *Phân tích tác động của chính sách công: Phương pháp ước lượng khác biệt trong khác biệt*, Học liệu mở FETP, <http://www.fetp.edu.vn>, 2006.
4. World Bank, *Báo Cáo Nghiên cứu chính sách: Trợ cấp tiền mặt có điều kiện – Giảm nghèo trong hiện tại và tương lai*, 2009.
5. Beatriz Armendáriz de Aghion, Jonathan Morduch, *The economics of Microfinance*, Massachusetts Institute of Technology, US, 2005.
6. Judy L. Baker, *A Handbook for Practitioners, Evaluating the Impact of Development Projects on Poverty*, The World Bank, Washington DC, 2000.
7. Shahidur R. Khandker, *Welfare Impacts of Rural Electrification, An Evidence From Viet Nam*, World Bank, 2009.
8. Margaret Madajewicz, *The Impact of Lending Programs on Poverty in Bangladesh*, Colombia University, 1999.

## EVALUATE THE IMPACTS OF CREDIT ON POOR REDUCE IN RURAL OF VIETNAM

*Phan Thi Nu*

*College of Economics, Hue University*

**Abstract.** This study investigates the impact of credit on the poverty reduction in the rural of Vietnam. The Difference in Difference (DID) approach and OLS model were used to analyse the VHLSS 2004 & 2006 panel dataset. There were 4270 houses participating in both surveys, 457 of these households were poor in 2004. From these 457 households, we filtered out 157 poor households which borrowed money within one year in VHLSS 2006 but did not borrow in VHLSS 2004 and 147 poor households had not any loan in 2004 & 2006. We selected 113 from 157 households with credits to make analysis group and 104 from 147 households without credit to make comparison group.

The result has revealed that credit accessing has certain positive impact on poor household welfare by causing increases in their living expenditure. However, it dose not have any effect on the income improvement of the poor households, so it cannot strongly help the poor get out of the poorness. In addition, this study also finds the positive impact of education and work diversifying on poor household welfare.